

CHỈ THỊ

**Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024**

Năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường, yếu tố rủi ro, bất định gia tăng; khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Cuộc xung đột Nga - Ucraina chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tại nhiều nền kinh tế lớn phục hồi chậm và suy giảm; tình trạng lạm phát vẫn duy trì ở mức cao; thị trường tài chính, ngân hàng toàn cầu gặp nhiều khó khăn, thách thức... Các thách thức an ninh phi truyền thống, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... diễn biến bất thường. Trong nước, nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến chế tạo, thu hút đầu tư... nhưng bắt đầu có những chuyển biến tích cực, chủ yếu nhờ việc Chính phủ đã kịp thời ban hành, triển khai quyết liệt nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và các cân đối lớn. Các tổ chức quốc tế có uy tín như IMF, WB, OECD... tiếp tục dự báo triển vọng tích cực về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2023.

Năm 2024, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực biến động không ngừng, ngày càng khó lường hơn; các tổ chức quốc tế phải thường xuyên điều chỉnh dự báo để phù hợp với tình hình thực tế. Trong nước, tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) vẫn còn những hạn chế, khó khăn; trong đó năng lực sản xuất, chất lượng tăng trưởng, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn chưa cao; các yếu tố nền tảng như thể chế, hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Bối cảnh trong nước, quốc tế nói chung và của tỉnh nói riêng đòi hỏi các cấp, các ngành phải tiếp tục tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém, kế thừa, phát huy thành quả đã đạt được, hóa giải những khó khăn, thách thức, nỗ lực phấn đấu hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đề ra, góp phần đẩy mạnh thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025. Để kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được, vượt qua khó khăn, thách thức, tạo thuận lợi cho phát triển KT-XH các năm tiếp theo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2024, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2024-2026 với các yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau:

A. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KT-XH và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023. Đặc biệt, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về phục hồi và phát triển KT-XH tỉnh Tiền Giang hai năm 2022-2023 gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ; trong đó tập trung đánh giá việc thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ việc làm, phòng chống dịch Covid-19, góp phần phục hồi, phát triển KT-XH...

b) Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023, bao gồm: Các mục tiêu, nhiệm vụ về tình hình phát triển KT-XH 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2023; đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh... có so sánh với kết quả thực hiện năm 2022 và các năm trước dịch Covid-19; các tồn tại, hạn chế, phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong bối cảnh tình hình kinh tế của tỉnh, nền kinh tế cả nước đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ những biến động mạnh của tình hình thế giới.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

a) Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023; dự báo kịp thời, sát tình hình trong tỉnh, cả nước, khu vực, thế giới, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng đối với phát triển KT-XH của tỉnh; từ đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2024 phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; thể hiện sự quyết liệt, phấn đấu đạt được mục tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Tiền Giang nhiệm kỳ 2020-2025, thực hiện thành công Kế hoạch phục hồi và phát triển KT-XH của tỉnh.

b) Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình ta cũng như cả nước phải chịu sự tác động nặng nề với hậu quả còn lâu dài của dịch Covid-19. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp

với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển KT-XH, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025.

c) Kế hoạch của các ngành và địa phương phải phù hợp với các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phân đầu đạt được mục tiêu theo kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 của tỉnh, kế hoạch 5 năm về phát triển KT-XH của địa phương (đối với các địa phương); phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn tới; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách: (i) Phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi toàn tỉnh, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với thông lệ.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 6 tháng đầu năm 2023, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2023, so sánh với kết quả thực hiện năm 2022 và thời điểm trước dịch Covid-19); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục, trong đó tập trung đánh giá tác động của xung đột quân sự Nga - Ucraina, tình hình lạm phát, tài chính, tín dụng, ngân hàng, suy giảm kinh tế toàn cầu, hệ lụy sâu rộng, kéo dài của dịch Covid-19, tình hình sản xuất công nghiệp, xuất khẩu, thu hút FDI, thiên tai, dịch bệnh mới phát sinh; đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về

phục hồi và phát triển KT-XH tỉnh Tiền Giang hai năm 2022-2023 gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ... Cụ thể:

a) Đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển KT-XH và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2023.

b) Công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh; tăng cường năng lực hệ thống y tế, giải quyết tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

c) Đánh giá kết quả phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế

- Phân tích tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng các ngành, lĩnh vực kinh tế; đánh giá tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, bao gồm: Nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp, xây dựng và các ngành dịch vụ như: Thương mại, xuất nhập khẩu, du lịch, vận tải, thông tin, truyền thông, tín dụng ngân hàng... Đồng thời, phân tích và làm rõ chất lượng tăng trưởng của từng ngành, địa phương, nhất là trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến, xuất khẩu, du lịch, dịch vụ chất lượng cao... gắn với việc đánh giá tình hình thực hiện tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực kinh tế... Trong mỗi lĩnh vực cần nêu bật những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: Đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng; thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

d) Tình hình thực hiện các khâu đột phá được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, cụ thể: (i) Tập trung đầu tư, hình thành hệ thống các sản phẩm chủ lực, vùng động lực; (ii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ ở đô thị và nông thôn; (ii) Phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh cải cách hành chính.

đ) Chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo.

e) Kết quả thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 05/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá X) về phát triển kinh tế - đô thị 3 vùng của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 05/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá X) về phát triển du lịch của tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

g) Tiến độ thực hiện lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

h) Phân bổ, giao kế hoạch và thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công.

i) Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam; thực hiện các chính sách xã hội, kết quả triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

k) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Trong đó làm rõ tiến độ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện; sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước, bảo đảm an ninh nguồn nước... Đánh giá kết quả thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KT-XH theo Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT.

l) Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

m) Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh; hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; thông tin, tuyên truyền, dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế chủ đạo, song đứng trước nhiều khó khăn, trở ngại. Cạnh tranh chiến lược, phân tách chuỗi cung ứng, trừng phạt lẫn nhau về kinh tế, chạy đua về khoa học công nghệ ngày càng gia tăng. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng thị trường tài chính, nợ công tại nhiều quốc gia còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, các nước chủ trọng tự chủ chiến lược, tăng cường hợp tác của các quốc gia vừa là thời cơ, vừa là thách thức. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường.

Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xuất nhập khẩu... được kỳ vọng sẽ có nhiều chuyển biến tích cực khi tình hình thế giới được cải thiện, thuận lợi hơn, đồng thời, nhiều chính sách, giải pháp điều hành được sửa đổi, bổ sung và ban hành từ đầu năm đến nay đã và đang phát huy tác động tích cực. Tuy nhiên, các ngành, lĩnh vực kinh tế của tỉnh sẽ phải tiếp tục đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những hạn chế do chưa hoặc chậm được khắc phục và ứng phó với các vấn đề bất ngờ phát sinh.

Trong bối cảnh đó, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ukraina, tình hình lạm phát thế giới, tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm, rủi ro an toàn thị trường tài chính; các xu hướng, mô hình

phát triển mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... sự phát triển mạnh mẽ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, nhiều mặt đến sự phát triển KT-XH.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

c) Các mục tiêu chủ yếu, trong đó: Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2024 của tỉnh tăng 7% trở lên. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã, căn cứ tình hình thực tế xây dựng phương án tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp tình hình, đảm bảo mục tiêu chung của tỉnh.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2024 bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 của tỉnh, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2024, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương. Trong đó tập trung:

- Bám sát, cụ thể hóa các mục tiêu, 03 khâu đột phá và 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 gắn với Hội nghị xúc tiến đầu tư sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, làm căn cứ để rà soát, điều chỉnh và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, các quy hoạch có tính chất chuyên ngành, kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm và đầu tư công trung hạn nhằm khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đồng thời, cụ thể hóa theo hướng nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, gia tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng yêu cầu hội nhập, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống người dân. Tiếp tục triển khai thực hiện theo lộ trình các đề án tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp, công nghiệp của tỉnh.

- Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững các ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở cùng với cả nước thực hiện mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm thượng tôn pháp luật. Nâng cao chất lượng, hiệu quả một số hoạt động hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và thi hành án; chú trọng công tác trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng của tỉnh, có tính liên

vùng và hạ tầng đô thị lớn. Tiếp tục phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn...

- Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; thu hút và trọng dụng nhân tài; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho phát triển KT-XH; triển khai thực hiện hiệu quả chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; đảm bảo công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.

- Xây dựng cơ quan hành chính các cấp đoàn kết, thống nhất cao, liêm chính, dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, hành động thiết thực, hiệu lực, hiệu quả, bám sát thực tiễn, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, tăng cường giám sát, kiểm tra. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết liệt, hiệu quả trong hành động.

- Tiếp tục phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo; đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, KT-XH theo Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT.

- Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; đảm bảo giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2024-2026 VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

1. Về dự toán thu ngân sách Nhà nước

Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, đi đôi với phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính trong và ngoài nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023 cũng như dự toán năm 2024. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết bình quân tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2. Về dự toán chi ngân sách Nhà nước

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 21/02/2017 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để đảm bảo về tài chính quốc gia an toàn, bền vững; gắn với việc triển khai Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Tiền Giang. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số

27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định hiện hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 trên cơ sở dự toán năm 2023 đã được HĐND tỉnh quyết định, Chủ tịch UBND tỉnh giao và nhu cầu tăng chi phát sinh để thực hiện các chế độ, chính sách và pháp luật có liên quan. Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về chi đầu tư phát triển

- Lập kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải thực hiện theo đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 khâu đột phá của tỉnh, 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Tiền Giang lần thứ XI, mục tiêu, nhiệm vụ đã được HĐND tỉnh thông qua và Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2024.

- Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã xác định rõ mục tiêu, khả năng huy động và cân đối nguồn vốn, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và khả năng thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, manh mún, kém hiệu quả, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 phải đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

+ Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch đã được phê duyệt. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng có ý nghĩa lớn đối với phát triển KT-XH của tỉnh, của các cấp, các ngành và địa phương.

+ Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 24/2020/NQ-HĐND

ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025 tỉnh Tiền Giang.

+ Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hằng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công. Đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

+ Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023. Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

+ Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

b) Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế và giảm quỹ lương tương ứng với giảm biên chế hành chính theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách như: Đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền.

d) Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên tiếp tục xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương; các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

đ) Đối với các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thì không bố trí chi thường xuyên để thực hiện, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

e) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật có liên quan.

g) Cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý tài sản công, sắp xếp, xử lý nhà đất, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có).

h) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương, điều chỉnh lương hưu (phần NSNN đảm bảo), điều chỉnh trợ cấp ưu đãi người có công: Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

i) Đối với các nhiệm vụ, dự án dự kiến bố trí từ nguồn thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất) và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước: Trên cơ sở dự toán thu phải nộp NSNN (sau khi trừ chi phí liên quan), lập dự toán chi đầu tư phát triển, được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật, dự kiến số vốn bố trí chi tiết cho từng dự án để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội.

3. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước

Việc xây dựng dự toán thu/chi NSNN năm 2024 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2023; hồ sơ, văn kiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, tiến độ triển khai thực tế của các khoản viện trợ, khả năng phát sinh và thực hiện các khoản viện trợ mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần phân định rõ tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên để đáp ứng các yêu cầu quản lý.

4. Dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí của ngân sách địa phương

Việc xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí trên địa bàn tỉnh thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn; trong đó cần chú ý một số nội dung sau:

- Trên cơ sở mức dư nợ của NSDP ước đến ngày 31/12/2023, nhu cầu vay vốn cho đầu tư phát triển năm 2024 và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP, các sở, ban, ngành cấp tỉnh đánh giá đầy đủ tác động của nợ NSDP trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương không vượt quá mức dư nợ tối đa theo chế độ quy định.

- Các sở, ban, ngành tỉnh chủ động bố trí chi trả nợ gốc từ các nguồn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo trả nợ đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, đồng thời đảm bảo dư nợ NSDP trong giới hạn theo quy định.

5. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại khoản 1, 2, 3, 4 mục I, phần B của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP các cấp năm 2024 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách trên địa bàn

Các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan; các cơ quan tài chính, thuế, hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Yêu cầu lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do tác động của dịch bệnh, thiên tai, tác động ngân sách do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

Căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia giữa NSDP các cấp để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2024 đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Dự toán chi ngân sách nhà nước

Các cơ quan, đơn vị địa phương chủ động xây dựng dự toán chi trên cơ sở nguồn thu được hưởng tại điểm a nêu trên, căn cứ dự toán thu, chi đã được cấp có thẩm quyền giao năm 2023, số bổ sung trong năm để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (phần còn thiếu giữa nhu cầu kinh phí thực hiện cho cả 12 tháng năm 2024 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định của địa phương). Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển KT-XH các giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH năm 2024 của cơ quan, đơn vị, địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2023 để xây dựng dự toán chi của cơ quan, đơn vị, địa phương chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN và các hướng dẫn có liên quan, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

c) Dự toán chi đầu tư phát triển

- Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc

hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của UBND tỉnh, dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chỉ đạo rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư trong cân đối NSDP năm 2024 phù hợp với các chỉ đạo về xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối NSDP của cấp có thẩm quyền, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, trong đó lưu ý: Ưu tiên thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2024, vốn đối ứng các dự án ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn NSNN tham gia vào các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2024, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng, dự án liên vùng, dự án đường ven biển, dự án đường cao tốc theo tiến độ thực hiện dự án; sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Sở Tài chính báo cáo dự kiến thu, chi từ nguồn xổ số kiến thiết. Ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế công lập, xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

- Đối với nguồn thu sử dụng đất: Sở Tài chính xây dựng dự kiến thu, chi từ nguồn này trong năm 2024 sát khả năng thu thực tế của địa phương.

- Đối với nguồn bội chi NSDP cấp tỉnh: Theo quy định của Luật NSNN, bội chi NSDP chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được HĐND cấp tỉnh quyết định. Các chủ đầu tư chủ động phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài vào kế hoạch trung hạn theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2024; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

- Rà soát, làm rõ số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 đã được giao (bao gồm cả số vốn dự kiến giao trong năm 2024) cao hơn so với kế hoạch đã được HĐND tỉnh thông qua (nếu có).

d) Dự toán chi thường xuyên

Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giảm dự toán trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 được xác định căn cứ vào kết quả thực hiện lũy kế đến năm 2023, mục tiêu Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và Nghị định

số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, riêng mức giảm biên chế được xác định theo quyết định giao biên chế của cấp thẩm quyền.

Các địa phương lập phương án sử dụng số kinh phí giảm chi thường xuyên cấp trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp y tế và sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo thực tế điều chỉnh giá dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm 2024 theo lộ trình.

đ) Dự toán số bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo chi tiết số đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian hưởng theo quy định để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ để thực hiện các chính sách an sinh xã hội tính theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng năm 2024 (đối với các chính sách đã được bố trí đủ trong dự toán chi thường xuyên cân đối NSDP năm 2023 tính theo mức lương cơ sở hiện hành 1,49 triệu đồng/tháng, đã bao gồm đối tượng chuẩn nghèo mới); kinh phí hỗ trợ khai thác hải sản xa bờ, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho đối tượng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, cấp bù chi phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm, các chính sách, chế độ mới ban hành có hiệu lực kể từ năm 2023.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2024-2026

Trên cơ sở các văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy Tiền Giang, Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh, căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh; trong đó, giả định năm 2026 là năm tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành của giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được.

2. Các đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

III. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trên cơ sở các nội dung về đánh giá giữa kỳ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành tỉnh và địa phương cập nhật, bổ sung tình hình, số liệu, kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong 2,5 năm kế hoạch, những thuận lợi, khó khăn, đánh giá khả năng thực hiện so với mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh quyết nghị, trên cơ sở đó đề xuất, kiến

ngiht giải pháp trong hơn 02 năm còn lại để hoàn thành mục tiêu Kế hoạch 5 năm trong giai đoạn 2021-2025.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và Dự toán NSNN năm 2024 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, xây dựng, hoàn thiện đề cương báo cáo Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024; phân công nhiệm vụ, tiến độ báo cáo cụ thể đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã xây dựng các phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2024, tổng hợp các cân đối lớn và dự thảo báo cáo Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, trình UBND tỉnh trước ngày 15/7/2023.

2. Cục Thống kê tỉnh

Đối với chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP), Cục Thống kê tỉnh tăng cường phối hợp chặt chẽ với Tổng cục Thống kê rà soát, tính toán, cung cấp số liệu ước thực hiện năm 2023, trong đó làm rõ số liệu chi tiết từng ngành trong 3 khu vực, nhằm phục vụ tốt cho công tác xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

- Đối với chỉ tiêu GRDP, sử dụng số liệu của Tổng cục Thống kê ước thực hiện năm 2023; phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê dự kiến chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2023 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10/7/2023.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2024-2026

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2024, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 phù hợp với quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công; phối hợp với các sở, ngành tỉnh và địa phương

hoàn thiện Báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2024 trình cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiến độ, căn cứ pháp lý để xây dựng dự toán năm 2024.

3. Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định biên chế năm 2024 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý trước thời điểm báo cáo UBND tỉnh về dự toán NSNN năm 2024; phối hợp với các cơ quan cùng cấp báo cáo UBND tỉnh, gửi Bộ Nội vụ thẩm định biên chế năm 2024 của đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của địa phương, trình HĐND tỉnh phê duyệt, làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách năm 2024.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, địa phương căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Đề án số 02-ĐA/TU của Tỉnh ủy và các văn bản có liên quan, tình hình thực hiện tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2023, kế hoạch năm 2024 được cấp thẩm quyền giao, dự kiến kế hoạch năm 2025-2026, tổng hợp vào dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Các sở, ban, ngành tỉnh

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành sửa đổi quy định các khoản chi ngoài lương của cán bộ, công chức, viên chức có nguồn gốc từ NSNN đảm bảo phù hợp Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII).

- Lập dự toán NSNN năm 2024, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của ngành mình.

b) UBND các huyện, thành phố, thị xã hướng dẫn và chỉ đạo việc lập dự toán NSNN năm 2024 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 của địa phương.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, phải kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính (để b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VPUB: LĐVP, các phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, P.TH (C).



Nguyễn Văn Vĩnh